

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2020/HS-ST

Ngày: 28-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Kim Quỳ

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Đặng Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 72/2020/TLST-HS ngày 04/9/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-HS ngày 15/9/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Mạnh H; sinh năm: 1971; ĐKKHKT: Số 283 đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi ở: Số 47A đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân Tộc: Kinh; tôn giáo: Không; văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Tự do; con ông: Trần Huy Q (đã chết); con bà: Trần Thị M (đã chết); gia đình có 3 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; vợ Trần Bích N, sinh năm 1974 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con bé sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/6/2020 đến ngày 28/8/2020 thì áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

Bị hại: Chị Trần Thị H, sinh năm: 1962;

Địa chỉ: Số 98 đường L, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa bị cáo có mặt, chị H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Mạnh H, sinh năm 1971, trú tại: Số 283 đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định có mối quan hệ quen biết với chị Trần Thị H, sinh năm 1962, trú tại: Số 98 đường L, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định từ năm 1999 đến nay. Chị H biết H có vợ là chị Trần Bích N, sinh năm 1974 (đã li hôn năm 2016), là cán bộ Chi cục thuế thành phố Nam Định, có quen biết cán bộ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Nam Định nên có khả năng nhờ làm được thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khoảng tháng 01/2018 cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân (UBND) phường Phan Đình P, thành phố N thông báo cho gia đình chị H biết nhà số 98 đường L (là nhà của Trường trung học cơ sở Trần Đăng Ninh cấp cho ông Trần Ngọc M, sinh năm 1936, là bố chồng chị H sử dụng từ năm 1980 đến nay) thuộc diện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu với chi phí khoảng 400 triệu đồng. Chị H tin tưởng nên đã nhờ H giúp làm nhanh các thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà số 98 đường L. Chị H nói với H: “Với 300 triệu đồng chú có làm được sổ bìa đỏ không”. H nói: “Em làm được, còn chi phí như thế nào thì có hóa đơn, giấy tờ”. Chị H nói: “Vậy chú cầm tiền làm giúp cho chị, chị đang xây nhà thì còn có tiền, không mấy nữa xây nhà xong thì chị hết tiền”. Sau đó, chị H giao cho H bộ hồ sơ gồm bản gốc giấy giao sử dụng nhà ở của ông M, bản sao công chứng sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân của ông Mậu, chứng minh nhân dân và giấy khai sinh của anh Trần Ngọc T (chồng chị H) và số tiền 300 triệu đồng. Khi nhận tiền của chị H, H không viết giấy biên nhận tiền.

Sau khi nhận hồ sơ và số tiền 300 triệu đồng, H nhờ chị Trần Bích Hà, sinh năm 1995, trú tại: Số 283 đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định (là con gái của H và chị N) liên hệ nhờ chị Ngọc khi nào có đợt UBND thành phố N xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì nói lại cho chị Hà để chị Hà nói lại cho H biết. Tuy nhiên, do chưa có đợt xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu trên địa bàn thành phố Nam Định nên H vẫn giữ hồ sơ của chị H.

Khoảng tháng 11/2018, H đã sử dụng số tiền 300 triệu đồng của chị H trả nợ cho chị Trần Thị Lai, sinh năm 1962, trú tại: Số 98 đường H, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định số tiền 180 triệu đồng; trả nợ cho anh Trần Huy A, sinh năm 1965, trú tại: số 388 Vũ Trọng Phụng, phường Thống Nhất, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, (là anh ruột của H) số tiền 100 triệu đồng, còn lại 20 triệu đồng H sử

dụng vào việc chi tiêu sinh hoạt cá nhân hết. Việc này H không thông báo cho chị H biết.

Chị H có hỏi H: “Chị đưa tiền và hồ sơ cho em từ đầu năm mà bây giờ cuối năm vẫn chưa làm được cho chị là sao. Nếu em không làm được thì cho chị xin lại tiền và hồ sơ để chị tự làm”. Mặc dù H đã sử dụng hết số tiền 300 triệu đồng, nhưng H vẫn nói với chị H: “Chị cho em xin qua tết em sẽ giao bìa đỏ cho chị”.

Sau đó, H nói lại với chị H1: “Công việc của bố không được thuận lợi dẫn đến nhà mình phải như thế này. Bố nhận của bác H 300 triệu để làm bìa đỏ cho bác ấy nhưng chưa làm được. Bác L và bác Huy A đòi tiền bố nên bố đã lấy tiền của bác H trả cho hai bác. Bây giờ bác H đang đòi tiền bố, con xem nếu có vốn riêng cho bố vay 100 triệu hoặc 150 triệu trả tạm cho bác H hộ cho bố”. H1 nói: “Công việc của con cũng chưa ổn định, để con tính toán xem, hôm nào con nói chuyện với bác H xem thế nào” (BL107, 108). Khoảng tháng 12/2018, tại nhà chị H, chị H1 nói với chị H: “Cháu trả trước cho bác 150 triệu, bác đừng nói với bố cháu để bố cháu có trách nhiệm với bác. Nếu bố cháu làm được sổ bìa đỏ cho bác thì bác trả cho cháu số tiền này sau cũng được ạ”. Chị H đồng ý và chị H1 đã trả nợ thay cho H số tiền 150 triệu đồng (BL124, 140, 141). Khi nhận tiền chị H không viết giấy biên nhận tiền.

Đến hẹn nhưng H vẫn chưa làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ngày 26/3/2019 chị H yêu cầu H viết giấy nhận số tiền 300 triệu đồng, hẹn đến tháng 4/2019 thì sẽ làm xong và trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị (BL 15). Tuy nhiên, nhiều lần chị H gọi điện thoại để giục, nhưng H chỉ khát nợ và không trả tiền.

Ngày 18/10/2019, tại nhà chị H, chị H hỏi H: “Chú hẹn chị 2 - 3 lần rồi mà vẫn không làm được cho chị, tiền và hồ sơ chị đưa từ đầu năm giờ vẫn không xong là sao”. H nói dối: “Hồ sơ của chị em đã nộp vào uỷ ban, tiền em đã chi cho mọi người. Đất nhà chị cấp sổ đỏ lần đầu nên phải chờ lâu. Em cũng muốn làm sớm cho chị nhưng hồ sơ chưa duyệt”, rồi viết giấy hẹn (lần 1) đến ngày 10/11/2019 sẽ làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu không làm được sẽ phải trả số tiền 300 triệu đồng cho chị H (BL17). Ngày 14/11/2019 tại nhà chị H, H tiếp tục viết giấy hẹn (lần 2) đến ngày 10/12/2019 sẽ làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H (BL18). Cuối tháng 12/2019, chị H gọi điện thoại cho H và nói: “Em hẹn chị lần cuối rồi mà không thấy em đưa bìa đỏ cho chị vậy. Nếu không làm được thì trả tiền và hồ sơ cho chị để tự chị làm”. H tiếp tục nói dối chị H: “Tiền của chị em chi cho mỗi người một ít hết rồi, không lấy lại được”. Chị H nói: “Nếu em không

trả cho chị thì chị đưa ra pháp luật”. Ngày 15/01/2020, chị H đã làm đơn tố cáo hành vi của H với Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định.

Kết luận giám định số 187/KLGD-PC09 ngày 20/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nam Định kết luận: Chữ ký, chữ viết trên giấy hẹn ghi ngày 18/10/2019, ngày 14/11/2019 và trên giấy nhận tiền ngày 26/3/2019 là chữ ký, chữ viết của Trần Mạnh H. (BL 23)

Xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Nam Định xác định: Nhà số 98 Lê Hồng Phong chưa thực hiện đăng ký cấp chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu (BL25).

Ngày 03/6/2020, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 46/PC02, Quyết định khởi tố bị can số 137/PC02 và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Trần Mạnh H về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định, Trần Mạnh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Ngoài ra H khai nhận khoảng tháng 01/2018 H có vay chị H số tiền 200 triệu đồng (hai bên không viết giấy biên nhận tiền), rồi đem trả nợ cho chị Trần Thị L hết. H khai vay số tiền này với lãi xuất 3.000đ/triệu/ngày, H đã trả được 198 triệu đồng tiền lãi, còn nợ 48 triệu đồng tiền lãi (BL95). Tuy nhiên chị H khai cho H vay 200 triệu đồng không lấy lãi. Đến ngày 26/3/2019, do H chưa trả tiền, nên chị H yêu cầu H viết giấy vay tiền. H đồng ý viết giấy vay tiền với tổng số tiền vay là 248 triệu đồng, trong đó 200 triệu đồng là tiền gốc, 48 triệu đồng là tiền lãi (BL16) (Việc viết thêm 48 triệu đồng tiền lãi là tự ý của H, chị H không yêu cầu). Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định đã tiến hành đối chất, nhưng chị H và H vẫn giữ nguyên lời khai của mình như nêu trên. H và chị H đã thống nhất số tiền này sẽ thỏa thuận cá nhân với nhau.

Đối với 01 giấy giao sử dụng nhà ở số 98 đường Lê Hồng Phong (bản gốc) mà H giao nộp cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định: Đã trả lại cho chị H (BL64).

Đối với 01 giấy vay tiền, 01 giấy nhận tiền, 02 giấy hẹn và 01 thông báo số dư tài khoản tiền vay mà chị H giao nộp cho Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định: Đã chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Đối với khoản vay 200 triệu đồng: Không đủ căn cứ xác định chị H có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Vì vậy Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định không đề cập xử lý. Ngoài ra đây là giao dịch dân sự giữa chị H và H.

Chị H và H thống nhất giải quyết cá nhân với nhau. Vì vậy Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Nam Định không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Về trách nhiệm dân sự:

Số tiền 150 triệu đồng còn lại, chị H1 đã trả cho chị H vào ngày 20/6/2020 và ngày 06/7/2020. Chị H đã nhận đủ tiền và không có ý kiến gì thêm.

Cáo trạng số 58/CT-VKS-P3 ngày 31/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Trần Mạnh H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay: Bị cáo Trần Mạnh H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định trong bản luận tội đã giữ nguyên tội danh, điều luật áp dụng trong cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo; Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Mạnh H từ 24 đến 30 tháng tù; nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Do tin tưởng và quen biết Trần Mạnh H từ trước, nên chị H đã chủ động nhờ H làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với nhà số 98 đường L, phường P, thành phố N. H đồng ý nhận hồ sơ và số tiền 300 triệu đồng. Sau đó thông qua con gái là chị Trần Bích H1 để nhờ chị Trần Bích N (là vợ đã li

hôn) nắm bắt thông tin khi nào UBND thành phố Nam Định tiến hành xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhà số 98 đường Lê Hồng Phong thì thông báo lại để H đi làm thủ tục. Tuy nhiên từ tháng 01/2018 đến ngày 03/6/2020 không thấy chị Hà thông báo lại, nên H vẫn giữ hồ sơ. Đến khoảng tháng 10/2018 H đã sử dụng số tiền 300 triệu đồng của chị H đem trả nợ cho người khác và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó H đã nói lại với con gái là chị Hà trả lại cho chị H số tiền 150 triệu đồng. Chị H1 đã trả lại cho chị H 150 triệu đồng, nhưng không cho H biết. Đến đầu năm 2019, khi chị H hỏi thì H vẫn nói dối là hồ sơ đã nộp vào UBND thành phố Nam Định, tiền đã chi hết cho mọi người và đang chờ để xét duyệt, để chiếm đoạt số tiền 150 triệu đồng của chị H.

Như vậy hành vi phạm tội của bị cáo Trần Mạnh H đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 (Viết tắt BLHS năm 2015). Như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do động cơ tư lợi và hám lời nên vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội với tính chất tội phạm nghiêm trọng, gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra vụ án bị cáo Trần Mạnh H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt cho người bị hại. Vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Vì vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. HĐXX

xét thấy cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175 BLHS năm 2015 để xử phạt đối với bị cáo; xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng có thể cải tạo, giáo dục được đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền bị cáo chiếm đoạt đã tự nguyện trả lại bị hại, người bị hại không có yêu cầu gì khác. Vì vậy không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Mạnh H phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Mạnh H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Mạnh H 24 (Hai bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 48 (Bốn tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo đã bị giam giữ (Từ ngày 11/6/2020 đến ngày 28/8/2020). Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Giao bị cáo cho UBND phường Cửa Bắc, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo, cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 BLTTHS năm 2015; Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Mạnh H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, đã báo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND-CC, VKSND-CC;
- VKS và CA tỉnh Nam Định;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Hà Nam